

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIỆM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Tập 3

II. B. PHẦN KINH VĂN

PHẨM MỘT: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG

Kinh văn: “Nur thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá Thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại Tỳ Kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết Đại thánh, thần thông dĩ đạt”.

Kinh mở ba phần, chúng ta cũng đem nó tỉnh lược bớt, ngày trước đã giảng qua rất nhiều lần, mọi người đều rất quen thuộc. Hôm nay chúng ta phải học tập những gì ở trong Kinh văn? Lần giảng giải này, chúng ta đặc biệt chú trọng ở chỗ, Kinh Phật khi vừa mở đầu, luôn có bốn chữ “Nur thị ngã văn”. Hàm nghĩa của bốn chữ này rất sâu, rất rộng, thực tế mà nói là sẽ nói không cùng tận.

Cái gì gọi là “*Nur Thị*”? Đại đức xưa nói rõ cho chúng ta, cách nói đơn giản nhất là “như thị chi Kinh”, ý nói là tôi đích thân nghe được Phật nói, đây là cách giảng nói đơn giản nhất. “Tôi” là ai vậy? Là Tôn giả A Nan tự xưng. Năm xưa, khi Thế Tôn còn tại thế giảng Kinh nói pháp tuyệt nhiên không có ghi chép. Không Lão Phu Tử năm xưa ở đời dạy học cũng là như vậy. Sau khi Phật diệt độ, các đệ tử, các học trò của Ngài cảm thấy những gì lão sư cả đời nói ra đối với tất cả chúng sanh thực tế rất là quan trọng, không thể để cho những gì đã nói ở ngay trong một thời đại này bị chìm mất, không thể truyền tiếp nữa thì thật là đáng tiếc, cho nên các học trò mở hội để thảo luận, làm thế nào đem tất cả Kinh mà Phật đã nói lưu truyền được dài lâu, do đó mới có cuộc kết tập này. Khi kết tập Kinh tạng hoàn toàn phải nhờ vào sức nhớ của người ngay lúc đó. Các vị nên biết, Phật nói pháp 49 năm, hiện tại có một người nào có thể ghi nhớ được những Kinh đã giảng trong 49 năm, nhất là Kinh đã giảng 49 năm trước? Bạn còn có thể nhớ được hay không? E rằng ở thế gian này của chúng ta không tìm ra được một người. Đừng nói 49 năm, những thứ đã giảng chín năm trước e rằng bạn cũng đã quên hết sạch trơn, đều không thể ghi nhớ. May mà ở ngay trong đệ tử Phật, năng lực ghi nhớ của Tôn giả A Nan đặc biệt mạnh, đích thực năng lực này của Ngài A Nan rất thù thắng, sau khi nghe qua một lần thì vĩnh viễn sẽ không hề quên đi, cho nên khi kết tập Kinh tạng, mọi người tuyển cử A Nan ra để giảng lại, đem Kinh mà Thế

Tôn cả đời đã giảng trùng tuyên giảng lại một lần (cũng giống như hiện tại chúng ta tập giảng lại vậy). Thính chúng đều là những bậc đại A La Hán, đều là đệ tử lớn của Phật. Những vị này đều đến nghe Ngài A Nan thuyết, làm chứng cho Ngài A Nan.

Lần kết tập thứ nhất có 500 vị A La Hán đến nghe A Nan giảng lại. Ngay trong 500 người này, nếu có một người nêu ra ý kiến nói: “*A Nan! Câu nói này dường như không phải Phật nói như vậy*” thì phải bỏ đi, cần phải sửa đổi, không phải nói nhiều người tán thành thì thông qua, mà toàn thể 500 người thấy đều thông qua thì mới có thể ghi chép lại trở thành Kinh điển, truyền lại cho đời sau, có một người phản đối cũng không được. Đó là lấy chữ tín đối với đời sau. Người đời sau có được Kinh điển, khởi lòng tôn kính. A Nan giảng lại như Phật đã nói, không hề khác nhau, cho nên khi vừa mở đầu Kinh là có câu “*như thị ngã văn*”. Ở trong đây còn có rất nhiều ý nghĩa, các vị có thể tham khảo chú giải của đại đức xưa. Ngày nay chúng ta phải học tập, lấy ngay bốn tông mà nói mật nghĩa của “*Như thị*”.

“*Như*” chính là chân như bốn tánh. Cả đời Thế Tôn đã nói chính là nói rõ thể-tướng-tác dụng của tự tánh, đó chính là “*thật tướng các pháp*” mà trên Kinh Bát Nhã đã nói. Phật chính là nói việc này, dùng chữ “*Như*” này để đại biểu “*tánh như tướng này, tướng như tánh này, tánh - tướng không hai*”. Tánh là từ trên lý mà nói, tướng là từ nơi sự mà nói, “*lý như sự này, sự như lý này, lý - sự không hai*”. Phật nói rõ cho chúng ta nghe đại đạo lý này, nói rõ cho chúng ta nghe chân tướng sự thật này, cho nên khi vừa mở Kinh ra liền dùng hai chữ “*Như thị*”, chân thật là đã đem tổng cương lĩnh nói ra. Nếu như có người hỏi, Kinh điển Phật giáo của các người nhiều như vậy, rốt cuộc thì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra những gì? Bạn liền nói cho họ “*Như thị*” mà thôi. Nếu bạn muốn hỏi hai chữ “*Như thị*” này, muốn giải thích một cách tỉ mỉ hai chữ “*Như thị*” này thì một bộ Đại Tạng Kinh chính là giảng hai chữ này. Đích thực là không có một câu, không có một chữ nào siêu việt hơn hai chữ “*Như thị*”, cho nên ý nghĩa của hai chữ này sâu rộng vô tận. Theo bốn tông mà nói, cổ đức cũng có cách nói như vậy.

“***Như***” là nói “*thị tâm thị Phật*”, “***Thị***” là “*thị tâm tác Phật*”. Cách nói này cũng nói được rất hay, hoàn toàn là theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đã nói rõ nguyên lý y cứ của Tịnh tông, đích thực nguyên lý cơ bản của Tịnh tông chính là hai câu “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” này, hay nói cách khác, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, người nào mà không có tâm chứ? Bạn đã có tâm, cho nên Phật nói “*tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật*”. Nghe lời nói này chúng ta

mới hoát nhiên đại ngộ. Tại vì sao nói vốn dĩ thành Phật? Thị tâm thị Phật đó mà, lời nói của tông môn là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Minh tâm là chân tâm, chân tâm chính là bản tánh. Minh tâm chính là kiến tánh. Kiến tánh, tâm - tánh chính là Phật, tâm chính là Phật, tánh chính là Phật. Vì sao tâm và tánh đều là Phật còn hà tất phải nói hai chữ? Hai chữ này đương nhiên có hai cách nói, thông thường nói tánh là bản thể của tâm, tâm là tác dụng của tánh, hay nói cách khác, tâm của chúng ta có thể, có dụng. Từ trên thể thì gọi nó là tánh, từ trên tác dụng thì gọi nó là tâm, cho nên có lúc cái “thể dụng” này, dùng một chữ để nói, nói tâm cũng được, nói tánh cũng được. Hai chữ này hợp lại với nhau, một cái gọi là “thể”, một cái gọi là “dụng”. Việc này chúng ta cần phải hiểu cho rõ ràng, hiểu cho tường tận.

Chúng ta vốn dĩ đã là Phật, vì sao hiện tại không phải là Phật vậy? Chúng ta đã làm cho tâm tánh mê mất đi rồi. Việc này trên Kinh nói mê mất, không phải thật đã mất đi, quyết định không thể nào thật bị mất đi, cho dù bạn biến thành ngựa quỷ, súc sanh hay đọa A Tỳ địa ngục, tâm tánh của bạn vẫn không hề bị mất đi, vẫn tồn tại, chỉ là mê mất thôi. Chính mình có chân tâm, có bản tánh mà không thể giác ngộ, không thể nào phát hiện ra là do sự việc như vậy. Sau khi mê rồi thì chúng ta không gọi là tâm, cũng không gọi là tánh, mà trong Phật pháp gọi là “tình thức”. Tình thức chính là tâm tánh. Tâm tánh mê rồi thì đổi một danh từ là tình thức, giác ngộ rồi thì gọi nó là tâm tánh. Tâm tánh rốt cuộc là như thế nào vậy? Chúng ta làm thế nào mới có thể nhận biết nó? Phật nói với chúng ta, thể của tâm tánh là không tịch, nó không phải là vật chất, thể nhưng nó đích thực là đang tồn tại, bao gồm tất cả hiện tượng vật chất đều là từ nó biến hiện ra, nó là cội gốc của vũ trụ nhân sanh. Vũ trụ nhân sanh từ do đâu mà ra? Do tâm tánh biến hiện ra, cho nên trên Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói “mười pháp giới y chánh trang nghiêm do tâm hiện ra”, đó là do chân tâm chúng ta biến hiện ra. Cảnh giới hiện ra vì sao phức tạp đến như vậy, biến hóa nhiều đến như vậy? Sự biến hóa đó là do thức biến ra, mê rồi mới có biến hóa nhiều như vậy. Trong mười pháp giới, hướng lên trên là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, hướng xuống dưới là sáu đường, càng hướng xuống mê càng sâu, càng hướng lên trên thì mê sẽ càng ít đi, đều là mê mất đi tâm tánh. Nếu như không mê thì họ chính là Phật, thì họ không phải là phàm phu. Trong mười pháp giới cũng gọi là phàm phu, trong Phật Kinh gọi là ngoại phàm, trong sáu cõi là nội phàm, phàm phu trong sáu cõi thông thường gọi là phàm phu, cũng không thêm vào trong. Thế nhưng ngoài sáu cõi thì pháp giới bốn thánh của mười pháp giới, chúng ta gọi là ngoại phàm, cũng

vẫn là phàm phu, vì chưa kiến tánh, chưa hồi phục bốn tâm. Cho nên, thị tâm thị Phật là sự thật ngàn vạn lần chính xác. Tịnh Tông chúng ta tu hành thành Phật, lý luận ngay trong một đời này thành Phật là căn cứ chính ngay chỗ này. Bởi vì chúng ta vốn dĩ là Phật, hiện tại chúng ta mê rồi, làm thế nào phá mê khai ngộ? Hồi phục lại bản lai diện mục của chúng ta. Bản lai diện mục là Phật mà! Cho nên, phương pháp tu học của Tịnh Tông tuyệt diệu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, lấy pháp môn này là cứu cánh nhất, viên mãn nhất, rất đặc thù, rất trực tiếp, rất ổn định, cũng rất là mau chóng. Phương pháp này là gì? Thị tâm tác Phật. Làm thế nào vậy? Niệm Phật chính là làm Phật, đúng như Bồ Tát Đại Thế Chí đã dạy cho chúng ta: “Nhớ Phật niệm Phật”, trong miệng niệm Phật, trong tâm tưởng Phật thì chính là bạn đang làm Phật.

Cách tưởng Phật như thế nào vậy? Tưởng tướng hảo của Phật, tướng trang nghiêm của Phật, tướng công đức của Phật, tưởng Phật tu hành ngay lúc còn phàm phu, tưởng Phật thành tựu ngay trên quả địa, tưởng Phật độ hóa tất cả chúng sanh, vô lượng vô biên công đức thù thắng. Thường nghĩ đến những cái tốt này, tâm của bạn chính là làm Phật. Do đó Kinh Vô Lượng Thọ nhất định phải thuộc. Tôi dạy cho các vị phương pháp, khi vừa bắt đầu, chúng ta liền đem Kinh này dùng thời gian một năm tụng ba ngàn biến. Nếu như thời gian một năm không đủ thì hai năm, ba năm là đủ rồi. Thời gian ba năm là đủ để tụng thuộc lòng ba ngàn biến. Sau khi tụng thuộc, bạn liền có thể làm đến nhớ Phật, bạn mới chân thật có thể làm Phật. Một ngày từ sớm đến tối 24 giờ đồng hồ không nên nghĩ thứ khác, hoàn toàn nghĩ đến y chánh trang nghiêm của Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cách nghĩ thế nào vậy? Trong Kinh điển đã nói, thường hay ghi nhớ ở trong tâm, thường nghĩ đến cảnh giới trong Kinh điển, đó chính là bạn đang chân thật tu hành. Bạn đem “lý, sự, tánh, tướng, nhân, quả, y, chánh” của bộ Kinh này, công đức trùng trùng, toàn bộ thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày của bạn, bạn đều làm đến được thì làm sao mà bạn không phải là Phật? Đó là “Thị”, hoàn toàn tương ứng với “Như”, cũng chính là hoàn toàn tương ứng với nguyên lý “thị tâm tác Phật” này. Bạn xem, pháp môn này thù thắng biết bao. Niệm Phật thành Phật là có căn cứ lý luận, không phải tùy tiện mà nói. Pháp môn thù thắng như vậy, tôn giả A Nan đích thân nghe được Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Hai chữ “Như thị” này chúng ta phải học tập như vậy, phải đem đạo lý, phương pháp, cảnh giới của toàn Kinh thực tiễn ngay trong tâm tưởng của chúng ta. Đây chính là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của Tín-Giải-Hành-Chứng trong thiên Kinh vạn luận, cho nên khi vừa mở Kinh văn thì đã nêu ra.

Hai chữ “**Nhất thời**” là nói thời gian, không hề viết lên ngày tháng năm, mà chỉ viết “nhất thời”. Nhất thời có đạo vị. Nếu bạn có thể bước vào nhất thời thì quá khứ, hiện tại, vị lai bạn thấy đều tường tận, người đời chúng ta thông thường hay nói “thần thông quảng đại”, biết được quá khứ, vị lai. Vì sao họ biết được quá khứ, vị lai? Vì họ sống ở ngay trong nhất thời. Vì sao chúng ta không biết được quá khứ, vị lai? Vì chúng ta sống ở trong ba thời. Bạn nói xem, có đáng lo hay không? Ba thời này là gì vậy? Quá khứ, hiện tại, vị lai. Việc quá khứ thì quên mất, việc vị lai thì không biết tí gì, hiện tại cũng mơ mơ hồ hồ, cũng không rõ ràng. Chúng ta muốn học Phật thì làm sao? Học Phật phải qua “nhất thời”. Làm thế nào để qua được “nhất thời”? Chúng ta phải hiểu được, phải thông suốt, tuy là chưa làm được, nhưng chân tướng của sự và lý không thể không biết.

“**Nhất**” chính là như như bất động. Trong Phật pháp đã nói: “Pháp môn bất nhị”, bất nhị chính là nhất, nhị thì không nhất rồi. Nhất là thật, nhị là giả. Bạn xem, Nhất Chân pháp giới trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói là thật, nhị thì biến thành mười pháp giới rồi. Nhất là giác, nhất chính là như; nhị thì không như, nhị thì mê rồi, “ba tâm hai ý”. Ba tâm hai ý là lời nói nhà Phật. Cái gì gọi là ba tâm? Dem một biến thành ba, một tâm biến thành ba tâm. Một tâm là chân tâm, là chân như. Ba tâm là gì vậy? Tâm - Ý - Thức. A Lại Da Thức là tâm, Mạt Na là ý, sáu cái phía trước là thức, vốn dĩ là một tâm, hiện tại biến thành tám thức. Tám thức cũng gọi là ba tâm. Vì sao có hai ý? Tác dụng của hai ý rất lớn, trong tám thức, tám tâm, hai ý có tác dụng rất lớn. Hai ý là ý căn và ý thức. **Ý căn** chính là Mạt Na, Mạt Na là chấp trước, chấp trước kiên cố. **Ý thức** là căn thứ sáu, ý thức là phân biệt. Hiện tại chúng ta khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chính những thứ này làm chủ đạo, đó là mê. Làm thế nào mới có thể hồi phục lại “nhất”? Bạn thấy Thiền tông, Thiền tông minh tâm kiến tánh, đó là xem thấy “nhất”. Trong Tông môn thường nói: “Thức đặc nhất, vạn sự tất”, khi nào bạn vào được cảnh giới “nhất” rồi thì bất cứ việc gì cũng xong cả, những việc trong sáu cõi không còn, việc trong mười pháp giới cũng không còn. Chỉ cần bạn có thể chứng được “nhất”, bạn liền đến được Pháp giới Nhất Chân. Khi vào được Pháp giới Nhất Chân rồi, xin nói với các vị, thời gian chính là “nhất thời”, thời gian hiện tại của chúng ta cũng là “nhất thời”.

Trong trước tác của nhà khoa học gia thời cận đại Einstein có nói: “Quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại”. Cách nói này của ông thật hơn người. Làm sao ông có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại? Chúng ta không biết được ông từ chỗ nào mà phát hiện ra, đương nhiên ông chưa hề thấy được, có thể

là ông từ nơi lý luận mà suy đoán ra. Lý luận cơ bản nhất của khoa học là căn cứ vào số học, cho nên nói “số học là mẹ của khoa học”. Trên lý số cao thâm khi suy đoán ra thì có thể biết được quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại. Do đó, Đông phương, Tây phương, bất cứ một quốc gia nào, một khu vực nào cũng đều có một số dự ngôn suy đoán tương lai. Dự ngôn do đâu mà ra vậy? Dự ngôn là suy lý, phần nhiều từ trong số học mà suy đoán ra, do đó chưa chắc hoàn toàn chính xác. Nếu như bạn có thể nhập định, chân thật có được định thì ở trong cảnh giới thiên định đột phá được thời không, cũng chính là vượt qua quá khứ, hiện tại, vị lai; quá khứ, hiện tại, vị lai thấy đều xem thấy, chứng minh được Einstein đã nói là quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại. Những việc vị lai bạn có thể xem thấy được rõ ràng, tường tận, thông suốt, thấu đáo, như vậy mà nói ra thì một chút sai lầm cũng không có, đó là dự ngôn rất chính xác.

Ý nghĩa của “Nhất thời” này rất là sâu rộng. Nhất thời mới là thật, còn nói ngày tháng năm là giả, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của tất cả chúng sanh. Phật pháp nói lời thật cho bạn nghe, Kinh điển là Phật y theo Nhị đế mà nói. Pháp Nhị đế chính là Chân đế. Chân đế là cảnh giới mà Phật đã thân chứng, đó là Chân đế. Tùy theo tri kiến của chúng sanh mà nói thì gọi là Tục đế. Trong một bộ Kinh đều có đầy đủ hai loại ý nghĩa này. Đại khái ở trong Kinh Tiểu thừa giảng nói rất nhiều Tục đế, còn Chân đế thì giảng ít hơn. Trong Kinh Đại thừa thì giảng Chân đế nhiều, Tục đế thì giảng ít; càng về giai đoạn sau, Phật hoàn toàn giảng lời chân thật. Cho nên chữ “Nhất thời” này là lời chân thật, là “chân đế”, lấy cảnh giới của Phật mà nói, chúng ta nhất định không được hoài nghi.

“**Phật**” là người chủ giảng Kinh nói pháp lần đó, tức là Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

“**Tại Vương Xá Thành, Kỳ Xà Quật sơn trung**”. Đó là nơi chốn giảng Kinh năm xưa, trên Kinh điển đều có ghi chép, chứng minh cho chúng ta sự thù thắng của pháp hội này, có thời gian, có địa điểm, còn có thánh chúng, “**cùng với một vạn hai ngàn vị Tỳ Kheo có mặt**”. Pháp hội này rất là trang nghiêm, có nhiều thánh chúng đến như vậy. Các vị phải nên biết, thông thường chúng ta đọc Kinh, xem thấy được ở trong Kinh điển thánh chúng trong pháp hội của Phật phần nhiều là nói “cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo”, nhưng chúng hội này gồm một vạn hai ngàn người, tăng gấp mười lần so với chúng hội thông thường. Kinh văn phía sau lại nói thêm với chúng ta, có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, có nam cư sĩ, nữ cư sĩ tại gia, tổng cộng lại có hai ngàn người. Pháp hội trang nghiêm thù thắng như vậy, chứng minh pháp hội này không thể nghĩ bàn. Trong hội Pháp

Hoa, chúng ta xem thấy trong Kinh Pháp Hoa, khi vừa mở đầu cũng là một vạn hai ngàn người. Việc này âm thầm nói lên quyền Kinh này giống như Pháp Hoa, đồng với Pháp Hoa, nói rõ Kinh này là Nhất thừa giáo không thể nghi bàn, đó là cổ đức đã nói “mật nghĩa hàm chứa trong Kinh”. Từ ngay chỗ này, chúng ta phải nhận biết giá trị của những phương pháp, lý luận của bộ Kinh điển này thù thắng không gì bằng, không phải Kinh điển phổ thông.

Kinh văn phía sau là tán đức, tán tán cùng đại chúng hội, không phải người thông thường mà là **“tất cả đại thánh thần thông đã đạt”**. Đó là nói ngay trong thánh chúng không phải người phổ thông. Câu này là chuyên môn tán tán một vạn hai ngàn vị đại Tỳ Kheo trong chúng hội. Một vạn hai ngàn người này là Đại thánh, không phải Tiểu thánh. Cách nói Đại thánh và Tiểu thánh, Tiểu thánh là chỉ Tiểu thừa A La Hán, bốn quả A La Hán là thánh nhân của Tiểu thừa; thánh nhân của Đại thừa, địa vị này thì cao, thông thường chúng ta gọi là “Thập hiền, Thập thánh”. Lúc nào thì mới có thể xưng thánh? Quả vị của Bồ Tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng gọi là Tam hiền vị, từ Sơ địa trở lên mới gọi là thánh nhân. Thập thánh chính là Thập địa Bồ Tát. Từ Sơ địa đến Thập địa, quả vị này gọi là thánh nhân. Ngay trong thánh nhân lại thêm Đại thánh, đó không phải là thánh nhân thông thường. Đại thánh là chỉ ai vậy? Bồ Tát Pháp Vân Địa cùng Bồ Tát Đăng Giác, ở hai vị thứ này có thể gọi là Đại thánh. Do đây có thể biết, một vạn hai ngàn người đến dự hội không phải là người thông thường, chí ít cũng đều là Bồ Tát Pháp Vân Địa, Bồ Tát Đăng Giác thừa nguyện trở lại để ủng hộ Thích Ca Mâu Ni Phật, nên gọi là “một Phật xuất thế, vạn Phật ủng hộ”. Giống như diễn kịch vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật là diễn chính, các vị khác đến phối hợp phụ diễn. Những người diễn phụ này không phải là người thông thường, họ có những tư cách còn lão luyện hơn so với người diễn chính, thậm chí còn là thầy của người diễn chính, đóng vai phụ cho Ngài, phối hợp diễn xướng với Ngài. Việc này chúng ta thường xem thấy ở trên sân khấu. Thế gian này là một sân khấu lớn, Thích Ca Mâu Ni Phật là vai chủ diễn của kịch trường này, cho nên có rất nhiều cổ Phật, Bồ Tát Đăng Giác tái lai hiệp trợ Thích Ca Mâu Ni Phật, đem kịch trường này diễn cho tốt, xướng cho hay. Mọi người chỉ có một mục đích giống như nhau. Mục đích này là gì vậy? Khiến cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, khiến tất cả chúng sanh ở ngay trong một đời viên mãn thành Phật. Đó là bản nguyện của chư Phật. Chúng tôi đã nói qua với các vị ở trong đề Kinh phía trước, hiện tại Phật cùng với những Đại thánh này xem thấy Thế giới Ta Bà có một số chúng sanh cơ duyên thành Phật đã chín muồi rồi, Thế Tôn vui mừng không gì bằng,

những vị Đại thánh này cùng đến phối hợp cũng hoan hỉ, vui mừng không gì bằng, tiếp dẫn chúng sanh căn tánh chín muồi, ngay trong một đời bình đẳng thành Phật, cho nên những người này không phải là người thông thường. Bạn xem, chỗ này không hề đem Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ liệt kê trong đó. Vì sao vậy? Những người đó là phàm phu, không phải là Đại thánh, một vạn hai ngàn vị đại Tỳ Kheo này là Đại thánh. Cho nên, Thế Tôn ở hội này tự nhiên thù thắng trang nghiêm không gì bằng.

Theo thường lệ, khi mở đầu Kinh văn thì cần phải liệt kê mấy nhân vật làm đại biểu, cổ đức gọi các vị đó là “Thượng thủ”. Quyển Kinh này, từ triều nhà Hán mãi đến triều nhà Tống tổng cộng có mười hai lần phiên dịch, nêu tên nhiều ít không như nhau, có quyển nêu ra hơn ba mươi vị; có quyển nêu ra ít, chỉ mười vị, hai mươi vị. Vì sao phải nêu tên của những vị này ra ở đây? Vì đó là biểu pháp. Thế Tôn giảng Kinh nói pháp, bất cứ hội nào họ cũng đều đến tham gia, thế nhưng tại vì sao ở trong hội này, kết tập bộ Kinh này thì nêu tên những người này, kết tập một bộ Kinh khác thì lại nêu lên số người khác? Chúng ta phải hiểu được ý nghĩa ở chỗ nào. Danh hiệu, đức hạnh của những người trong số này đủ có thể đại biểu ý nghĩa của bộ Kinh này. Chúng ta xem thấy những người này thì liền biết được nội dung của bộ Kinh này, biết được trọng điểm của pháp hội lần này là ở đâu, cho nên nêu tên ra thì đã có ý nghĩa rồi, vì vậy tên không phải tùy tiện mà nêu lên. Cũng giống như thông thường hiện tại trong xã hội chúng ta mở hội nghị vậy, xem thấy những nhân vật nào đến tham dự hội nghị thì bạn liền biết được tính chất của hội nghị đó, hội nghị đó nói đến những vấn đề gì! Pháp hội này nêu tên những bậc thượng thủ cũng là ý này.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bộ Kinh điển này, ở chỗ thượng thủ, Ngài tinh lược bớt rất nhiều người, chỉ đem những bậc quan trọng nhất nêu ra. Mấy vị này cũng đủ để đem nghĩa thú của toàn Kinh thấy đều có thể biểu đạt ra hết. Đó là thủ pháp cao minh của người hội tập, làm cho hậu học chúng ta giảm bớt được rất nhiều thời gian và tinh thần, chúng ta nhận được tinh hoa của Kinh Vô Lượng Thọ. Trong mười hai loại bản dịch, nhiều năm đến nay có bảy loại đã thất truyền. Hiện tại trong Đại Tạng Kinh còn có năm loại nguyên bản dịch. Bồn hội tập này của Hạ lão có thể nói là bồn tổng hợp của năm loại nguyên bản dịch, cho nên bạn đọc quyển này cũng như đã đọc qua hết năm loại nguyên bản dịch kia, văn tự nghĩa lý hoàn chỉnh đầy đủ, không hề kém khuyết chút nào. Năm xưa khi Hạ lão còn ở đời, Pháp sư Huệ Minh tán thán, Pháp sư Từ Chu tán thán, lão cư sĩ Mai Quang Hi thì càng không cần phải nói, trong lời tựa, trong bạt văn, chúng ta đều

xem thấy. Hội tập được rất tốt, hội tập được quá viên mãn, thù thắng hơn rất nhiều so với ba loại hội giảng bốn ngày trước. Đó là giản lược giới thiệu với các vị. Bây giờ chúng ta xem đức hiệu đại biểu của mấy vị này.

* * *

Kinh văn: “**Kỳ danh viết: Tôn Giả Kiều Trần Như, Tôn Giả Xá Lợi Phất, Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn Giả Ca Diếp, Tôn Giả A Nan đẳng, nhi vi thượng thủ**”.

Bạn xem, đây đều là đại A La Hán, chỉ nêu ra cho chúng ta năm vị, thật là giản lược thấu đáo.

- **Vị thứ nhất là Tôn Giả Kiều Trần Như**

Chúng ta ở trong rất nhiều Kinh điển, thượng thủ đại biểu rất ít xem thấy có Ngài, mà “Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên” thì thường nghe thấy, chúng ta rất quen thuộc. Kiều Trần Như thì trái lại rất lạ, rất ít nghe đến tên của Ngài. Thực tế mà nói, bất cứ hội nào cũng không thiếu vắng Ngài, vì sao không nêu Ngài lên? Ngài ở trong số đệ tử Phật đại biểu cho ý gì vậy? Đại biểu “**Chứng quả đệ nhất, khai ngộ đệ nhất**”. Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở dưới cội Bồ Đề thị hiện thành đạo. Sau khi thành Phật, Ngài đến Vườn Nai để độ năm vị Tỳ Kheo này. Đó là lần đầu tiên Ngài giảng Kinh nói pháp, thánh chúng chỉ có năm người. *[Hiện tại các vị đến học giảng Kinh, thánh chúng có được năm người thì rất đầy đủ rồi, không hề khác gì với Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật lần đầu giảng Kinh chỉ có năm thánh chúng, hiện tại ta mới bắt đầu học giảng Kinh không phải chỉ có năm người, mà thù thắng hơn rất nhiều so với Thích Ca Mâu Ni Phật]*. Ngài độ năm vị Tỳ Kheo. Trong năm vị Tỳ Kheo này, người khai ngộ thứ nhất, chứng quả thứ nhất là Kiều Trần Như (Kiều Trần Như có rất nhiều tích truyện, ở đây chúng ta sẽ không giảng). Chỗ này chúng ta cần phải tin tưởng Ngài đại biểu cho cái gì? Đại biểu bộ Kinh này là **Kinh khai ngộ bậc nhất**, pháp môn này là **pháp môn chứng quả đệ nhất**, Ngài biểu đạt cái ý này.

Phía sau bốn Kinh này không phải là Tiểu thừa. Đoạn đầu là phần khuyến tín lưu thông. Chúng ta xem đoạn thứ hai, phần phân khoa.

Kinh văn: “**Tâm vô hạ liệt, diệt bất công cao, thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng, đương tri thử nhân, phi thị Tiểu thừa, ư ngã pháp trung đắc danh đệ nhất đệ tử**”.

Chúng ta xem thấy đoạn Kinh văn này, trước sau tương ưng với nhau. Kiều Trần Như là khai ngộ đệ nhất, chứng quả đệ nhất, nên xếp Ngài ở thứ nhất. Đây chính là nói rõ bộ Kinh này là pháp môn khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật đệ nhất. Tất cả Kinh mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong 49 năm, Kinh nào là đệ nhất? Đây chẳng phải đã nói rõ ràng rồi sao, đây là đệ nhất Kinh. Thiên Kinh vạn luận, ngày nay chúng ta có thể chọn được đệ nhất Kinh, việc này nếu không phải là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên thì làm sao bạn có thể gặp được? Ngày nay chúng ta gặp được đó là đệ nhất Kinh trong tất cả Kinh. Kiều Trần Như đại biểu đệ nhất, thế nên xếp Ngài ở thứ nhất, phía sau cũng đều là thứ nhất. Từ chỗ này về sau, mãi đến bộ Kinh này viên mãn, mỗi câu mỗi chữ đều là đệ nhất, không có đệ nhị.

- **Vị thứ hai là Tôn giả Xá Lợi Phất**
- **Vị thứ ba là Tôn giả Mục Kiền Liên**

Chúng ta xem thấy ở trong tất cả các Kinh, Xá Lợi Phất đại biểu cho trí tuệ, Mục Kiền Liên đại biểu thần thông, Kiều Trần Như xếp ở phía trước, vậy thì ý nghĩa biểu thị của Xá Lợi Phất được nâng cao hơn. Xá Lợi Phất ở ngay đây đại biểu trí tuệ đệ nhất. Mục Kiền Liên ở chỗ này đại biểu thần thông đệ nhất. Thần thông chính là năng lực mà ngày nay chúng ta thường gọi. Thông là ý nghĩa thông đạt, không có thứ nào không thông đạt, không hề chướng ngại. Thần là thần kỳ, siêu việt thường thức của chúng ta, siêu việt tưởng tượng của chúng ta. Họ có năng lực thù thắng như vậy, năng lực đệ nhất. Trong tất cả Kinh đều có hai vị tôn giả này, đó chính là nói, tất cả các Kinh mà Phật đã nói đều là trí tuệ đức năng, đều từ trong trí tuệ chân thật, đức năng chân thật mà lưu xuất ra. Ở chỗ này chúng ta phải đem nó thêm vào đệ nhất, trí tuệ là đệ nhất, thần thông năng lực là đệ nhất, tuyệt đối không phải các Kinh khác có thể so sánh. Vì sao vậy? Bất cứ Kinh nào cũng đều không thể khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật, chỉ có bộ Kinh này, một pháp môn này có thể khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Các vị phải ghi nhớ, chúng ta ở ngay nơi đây xây dựng tín tâm. Học đoạn Kinh văn này chính là kiến lập tín tâm kiên định không gì bằng của chúng ta, tin tưởng chính mình “thị tâm thị Phật”, tin tưởng chính mình “thị tâm tác Phật”, quyết định thành Phật. Chúng ta ở trong đoạn Kinh văn này, then chốt là phải học chỗ này. Phía sau cũng là giúp chúng ta xây dựng tín tâm, nhất định không dao động.

- **Vị thứ tư là Tôn giả Ca Diếp**

- **Vị thứ năm là Tôn giả A Nan**

Tôn giả Ca Diếp là đại biểu Thiên tông, là sơ tổ của Thiên tông. Tôn giả A Nan đại biểu Giáo hạ. Tông môn cùng Giáo hạ hợp lại chính là bao gồm tất cả Phật pháp, không hề sót lọt thứ nào. Ngoài Thiên tông ra thầy đều gọi là Giáo hạ. Ý nghĩa mà hai vị này đại biểu chính là nói với chúng ta, Tông môn, Giáo hạ cuối cùng cũng sẽ quy về Tịnh Độ, bạn nói xem, Tịnh Độ thù thắng dường nào! Thế nhưng, Tông môn có phải thật quy về Tịnh Độ hay không? Chân thật quy về. Thí dụ rõ ràng nhất, hai vị Đại Sư Mã Tổ và Bá Trượng xây dựng tông lâm, lập thanh qui, đề xướng cùng tu, bạn thấy “Thiền môn nhật tụng”, thanh qui mà Đại Sư Bá Trượng đã lập ra là bốn khóa tụng của Thiên tông, khóa tối đầu niệm A Di Đà Phật, buổi tụng Kinh tối thì tụng Kinh A Di Đà, há chẳng phải quy Tịnh Độ đó sao? Không hề xem nhẹ Tịnh Độ, rõ ràng là ngàn Kinh vạn luận và mọi tông phái đều quy về Vô Lượng Thọ, quy về bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, quy về Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hiểu rõ đạo lý này thì chúng ta lựa chọn pháp môn Tịnh Độ, chuyên tu chuyên hoằng, nhất quyết không bị các pháp môn khác làm lay động ý nguyện của chúng ta. Ý nghĩa này là ở chỗ đó.

* * *

Kinh văn: **“Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, cập hiện kiếp trung, nhứt thiết Bồ Tát, giai lai tập hội”**.

Xem kỹ trong pháp hội còn có chúng Bồ Tát, trong chúng Bồ Tát đề cử cho chúng ta ba vị Bồ Tát. Vị thứ nhất là Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Di Lặc và tất cả Bồ Tát trong hiện kiếp đều đến hội họp. Ý nghĩa này rất hay.

Bồ Tát Phổ Hiền đại biểu điều gì? Đại biểu Tịnh - Mật không hai. Chúng ta hiểu được, mười tông phái trong Phật pháp, trong đó có Mật tông. Vào thời cận đại, Mật tông hoằng truyền rất rộng. Tổ sư của Mật Tông là ai vậy? Là Bồ Tát Phổ Hiền. Vị truyền thừa của Mật tông là Bồ Tát Long Thọ. Sau khi Phật diệt độ 600 năm, Bồ Tát Long Thọ xuất hiện ở thế gian này, Ngài là Bồ Tát Sơ Địa. Ngài ở Nam Thiên mở tháp sắt. Sau khi tháp sắt mở ra thì thấy Kim Cang Tát Đỏa (cũng gọi là Kim Cang Thủ Bồ Tát), truyền cho Ngài mật pháp này. Sau này Ngài truyền lại. Kim Cang Thủ Bồ Tát cũng chính là Kim Cang Tát Đỏa, là hóa thân của Bồ Tát Phổ Hiền. Cho nên, Bồ Tát Phổ Hiền ở Mật tông xưng là Kim Cang Tát Đỏa. Ngài ở đây đại biểu Mật tông, đến cuối cùng cũng quy về Tịnh Độ. Ý nghĩa này hiển thị đặc biệt rõ ràng ở trong bản Kinh, vì sao? Trong phẩm thứ hai

“Đức Tôn Phổ Hiền”, trong Kinh Hoa Nghiêm “thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc”, Mật tông đâu có lý nào mà không quy về Tịnh Độ chứ? Ý nghĩa này phải hiểu.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đại biểu Thiền tông không hai. Thiền tông là do tổ sư Đạt Ma truyền xuống, không phải là Thiền định trong Lục độ, mà là Bát Nhã Ba La Mật trong lục độ. Bạn thấy trong “Lục Tổ Đàn Kinh”, Lục Tổ khi mở lời thì dạy mọi người cứ niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho nên chư vị phải hiểu rằng, Thiền tông là tu Bát Nhã Ba La Mật Đa. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là đại biểu, là bổn tôn trong Tông môn, Phổ Hiền là bổn tôn trong Mật tông. Tất cả đều hướng về Tịnh Độ. Chúng ta tu Tịnh Độ, tâm đã định rồi thì nhìn thấy Thiền, nhìn thấy Mật rất hay. Ta là “Mật trong Mật, Thiền trong Thiền”, không hề bị họ làm lay động, tín tâm nguyện tâm của bạn mới kiên định. Bồ Tát được liệt kê vào ở chỗ này, bạn phải nên hiểu nghĩa thú sâu rộng này. Ngay chỗ này chân thật giúp đỡ chúng ta xây dựng tín tâm, nguyện tâm không gì bằng.

Vị tiếp theo là **Bồ Tát Di Lặc**. Bồ Tát Di Lặc là đại biểu truyền thừa tương lai. Thích Ca Mâu Ni Phật là một thời đại lớn. Thời đại lớn này là một vạn hai ngàn năm. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật có Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mật Pháp. Thời đại lớn này là một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn hai ngàn năm, các chư Phật khác đến hoàng dương pháp môn gì vậy? Có phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Cũng là hoàng dương pháp môn này ư? Không sai! Bồ Tát Di Lặc chính là kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp, Di Lặc là vị thứ năm, cho nên là tiếp nối tương lai, cũng tiếp nối pháp môn này. Vì sao vậy? Pháp môn này là pháp môn đệ nhất mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo. Pháp môn đệ nhất chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Đối tượng Kinh Vô Lượng Thọ, đối tượng có thể tiếp dẫn chính là chúng sanh căn tánh chín muồi ở thế gian. Cái gì gọi là chín muồi? Ngay trong một đời này quyết định làm Phật. Đó chính là đối tượng của Kinh Vô Lượng Thọ. Trong một đời này của chúng ta tiếp xúc được pháp môn này, vạn nhất không thể vãng sanh, vậy thì phải nói thế nào đây? Không thể vãng sanh không phải là Kinh có kém khuyết, mà chính là chúng ta chưa y giáo phụng hành. Bạn phải cố gắng ghi nhớ, quả nhiên có thể y giáo phụng hành thì ngay trong một đời này, bạn quyết định làm Phật, không hề khác biệt với A Di Đà Phật. Đây là thật, không phải giả. Cho nên, tất cả chư Phật Như Lai gặp được chúng sanh căn tánh chín muồi đều phải nói pháp môn này, đều phải nên khuyên

bảo tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do đây có thể biết, pháp môn này, pháp hội này thù thắng, xác thực ra là không tiền tuyệt hậu.

Đoạn sau cùng: “***Cập hiền kiếp trung, nhất thiết Bồ Tát***”. Tất cả Bồ Tát này chuyên chỉ Hiền kiếp Thiên Phật, thời đại đó thì càng to lớn hơn. Trong một đại kiếp (nhà Phật gọi một đại kiếp là nói đơn vị thời gian rất lớn), ở trong đại kiếp này, có một ngàn vị Phật xuất hiện ở thế giới Ta Bà này.

A Di Đà Phật!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ